

Hạ Long, ngày 20 tháng 04 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
Mã chứng khoán : RIC
Địa chỉ : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
Website : <http://vn.royalhalonghotel.com>

2. Nội dung thông tin công bố

Báo cáo thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2022 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021.



Trần Yi Huang



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
-----&-----

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2021

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát:.....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	2
3. Mô hình quản trị :.....	3
4. Các rủi ro:.....	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:.....	5
2. Tổ chức và nhân sự:.....	6
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	7
4. Tình hình tài chính:	8
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	9
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:	20
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:	23
2. Tình hình tài chính:	23
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:.....	24
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	24
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021	24
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:	25
3. Dự kiến chỉ tiêu kinh doanh năm 2022:.....	26
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	26
1. Hội đồng quản trị:.....	26
2. Ủy ban kiểm toán:.....	30
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán.	31
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	32
1. Ý kiến của Kiểm toán viên:	32
2. Báo cáo tài chính	32

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia
- Tên tiếng Anh : Royal International Joint Stock Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700102119 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/11/2021.
- Vốn điều lệ : 703.687.540.000 đồng
- Tổng số cổ phần : 70.368.754 cổ phần
- Địa chỉ : P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : +84 203 3848777
- Fax : +84 203 3846728
- Website : <http://vn.royalhalonghotel.com>
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Mã cổ phiếu : RIC.
- Quá trình hình thành và phát triển của RIC:

Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Quốc tế Hoàng Gia được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 953/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 13/08/1994.

Ngày 22/05/2002, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh số 953/GPDC chuẩn y việc bổ sung chức năng kinh doanh trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài.

Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 953/CPH-GP cho phép Công ty liên doanh TNHH quốc tế Hoàng Gia được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia.

Tháng 7/2007 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán RIC.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và kinh doanh trò chơi có thưởng cho người nước ngoài.

Hoạt động chính của Công ty: kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước

ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

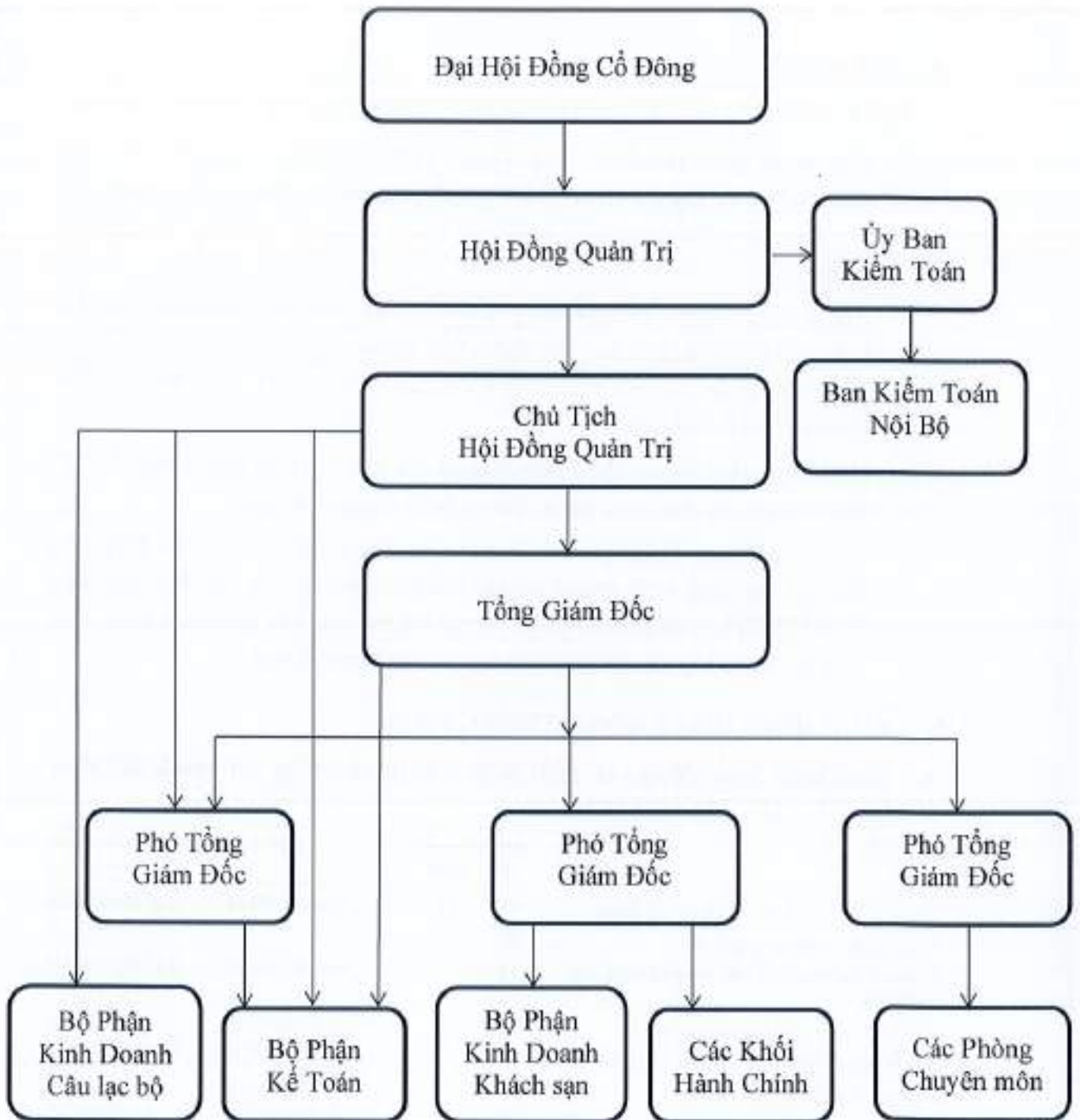
3. Mô hình quản trị :

Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia hoạt động theo mô hình quy định tại mục b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Công ty có thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Các Công ty liên kết:

- KaiViet Investment co., Ltd. (Công ty TNHH Đầu tư Khai Việt) nắm giữ 52,49% vốn cổ phần của Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia. Địa chỉ: Road Town, Tortola, British Virgin Islands.
- Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia nắm giữ 2,25% vốn cổ phần của Công ty chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (IRS). Địa chỉ: 30 Nguyễn Du, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



4. Các rủi ro:

Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

- Rủi ro do thiên tai, dịch bệnh: Dịch bệnh Covid-19 bùng phát lan rộng khắp nơi trên thế giới, ảnh hưởng đến mọi hoạt động kinh doanh của nhiều ngành nghề, trong đó, ngành du lịch - dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề nhất;
- Rủi ro cạnh tranh: Trong những năm gần đây, trên địa bàn thành phố Hạ Long có nhiều khách sạn lớn được xây dựng hoàn thành và đi vào hoạt động, thị phần bị chia sẻ, nâng mức cạnh tranh giữa các công ty kinh doanh cùng ngành nghề;
- Rủi ro tỷ giá: Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ phải chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá;
- Rủi ro tín dụng: Hiện tại, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản đi vay, trong khi diễn biến của dịch COVID-19 là khó dự đoán và các khoản tiền vay phụ thuộc vào việc tiếp tục được cấp tín dụng từ các ngân hàng thương mại.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	74.899.743.163	125.525.910.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.899.743.163	125.525.910.720
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	121.441.980.289	151.596.878.580
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(46.542.237.126)	(26.070.967.860)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.279.879.056	3.730.466.040
7. Chi phí tài chính	22	26	6.403.761.784	8.072.880.200
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.213.675.620	5.854.936.500
8. Chi phí bán hàng	25	27	11.174.638.454	13.323.233.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	40.585.265.917	35.950.981.780
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(102.426.024.225)	(79.687.597.080)
11. Thu nhập khác	31		566.720.378	261.598.820
12. Chi phí khác	32		677.954.641	2.114.370.300
13. (Lỗ) khác	40		(111.234.263)	(1.852.771.480)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.457)	(1.159)

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Ban điều hành có thay đổi nhân sự đến thời điểm báo cáo như sau:

Ngày 23/11/2021 miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Trí Vỹ và bổ nhiệm ông Kuo Ta Wei giữ chức vụ Tổng Giám đốc thay cho ông Đỗ Trí Vỹ.

Ngày 10/12/2021 HĐQT bổ nhiệm ông Công Nghĩa Nam đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Ngày 25/02/2022 miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Loh Siaw Kiang.

Ngày 25/02/2022 bổ nhiệm ông Nguyễn Thắng Hiền đảm nhiệm chức Phó Tổng Giám đốc, Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/03/2022.

Danh sách Ban điều hành của Công ty:

- Ông Kuo Ta Wei - Tổng giám đốc

Quá trình công tác:

Từ năm 2006 - 2009: Giám đốc điều hành Phòng đại lý quảng cáo BĐS - Nhân Hòa Thời Đại - Thâm Quyển;

Từ năm 2012 - 2013: Phó TGD Công ty phát triển BĐS Nova Land - Việt Nam;

Từ năm 2013 - 2015: Giám đốc điều hành Công ty sáng tạo công nghiệp và văn hóa Vigor - Hạ Môn;

Từ năm 2015 - 10/2017: Cố vấn tiếp thị của HĐQT Thiết kế quy hoạch đô thị sinh thái Ecopark - Việt Nam;

Từ ngày 23/11/2021 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia

- Ông Phạm Ngọc Nam - Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Từ năm 1994 - 2008: Giám đốc nhân sự Công ty Liên doanh quốc tế Hoàng Gia;

Từ năm 2008 đến tháng 06/2021: Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty;

Từ tháng 07/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc.

- Ông Công Nghĩa Nam - Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 10/12/2021)

Quá trình công tác:

Từ năm 2006 đến nay: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Khu Du lịch Bắc Mỹ An - Furama Resort Đà Nẵng;

Từ tháng 12/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia.

- Ông Nguyễn Thắng Hiền – Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/03/2022)

Quá trình công tác:

Từ năm 1995 - 2000: Nhân viên Phòng Kinh doanh - Vietinbank Móng Cái;

Từ năm 2000 - 2005: Nhân viên Phòng Kế toán - Vietinbank Móng Cái;

Từ năm 2005 - 2009: Phó trưởng Phòng Khách hàng phụ trách kinh doanh - Vietinbank Móng Cái;

Từ năm 2009 - 2015: Giám đốc VIB Móng Cái;

Từ năm 2015 - 2021: Giám đốc Techcombank Móng Cái;

Từ tháng 03/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia.

- Bà Cao Thị Huyền - Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Từ năm 1994 - 1998: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Thái Lan;

Từ 1999-2011: Kế toán Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia;

Từ 2012-30/06/2019: Phó trưởng phòng Kế toán Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia;

Từ 01/07/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia.

b) Cán bộ nhân viên:

- Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 640 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Dự án xây dựng khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế năm sao, các khu vui chơi giải trí và các dịch vụ kèm theo, kinh doanh khu vui chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài của Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia đã hoàn thiện, năm 2021 Công ty không mở rộng đầu tư thêm dự án.

4. Tình hình tài chính:**a. Tình hình tài chính:**

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	941.031.778.440	849.416.960.880	(9,74)
Doanh thu thuần	125.525.910.720	74.899.743.163	(40,33)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(79.687.597.080)	(102.426.024.225)	(28,53)
Lợi nhuận khác	(1.852.771.480)	(111.234.263)	(94,00)
Lợi nhuận trước thuế	(81.540.368.560)	(102.537.258.488)	(25,75)
Lợi nhuận sau thuế	(81.540.368.560)	(102.537.258.488)	(25,75)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,87	0,51	0,15
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,69	0,39	0,11
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,12	0,15	0,20
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,18	0,25
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	13,18	9,64	11,04
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,24	0,13	0,08
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,31)	(0,65)	(1,37)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,08)	(0,10)	(0,15)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,07)	(0,09)	(0,12)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,29)	(0,63)	(1,37)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Thị trường giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2021: 70,368,754 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 70,368,754 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không
- Cổ phiếu quỹ : Không
- Các chứng khoán khác : Không

b. Cơ cấu cổ đông năm 2021 (theo danh sách cổ đông ngày 18/11/2021):

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo tổ chức và cá nhân		
1. Cổ đông tổ chức	50.675.989	72,01%
2. Cổ đông cá nhân	19.692.765	27,99%
Tổng cộng	70.368.754	100,00%
Theo trong nước và nước ngoài		
1. Cổ đông trong nước	19.578.209	27,82%
2. Cổ đông nước ngoài	50.790.545	72,18%
Tổng cộng	70.368.754	100,00%
Theo niêm yết và chưa niêm yết		
1. Số cổ phần đã niêm yết	28.708.169	40,80%
2. Số cổ phần chưa niêm yết	41.660.585	59,20%
Tổng cộng	70.368.754	100,00%

c. Vốn đầu tư chủ sở hữu thay đổi qua các năm như sau:

Năm 1994:

Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Quốc tế Hoàng Gia được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 953/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 13/08/1994 theo hình thức công ty liên doanh giữa Công ty Kinh doanh Xuất nhập khẩu Hồng Gai (bên Việt Nam) và Ông Juan Cheng I (Nguyễn Chính Nghĩa) - quốc tịch Đài Loan. Mục tiêu đầu tư của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế năm sao, các khu vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vốn đầu tư của Công ty liên doanh là 39.000.000 USD. Vốn pháp định của Công ty liên doanh là 15.000.000 USD, trong đó:

*Bên Việt Nam góp 3.750.000 USD, chiếm 25% vốn pháp định, bằng giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất, 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển;

*Bên nước ngoài góp 11.250.000 USD, chiếm 75% vốn pháp định, bằng tiền nước ngoài.

Năm 2002:

Ngày 22/05/2002 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư số 953/GPDC chuẩn y việc bổ sung chức năng kinh doanh trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài của Công ty liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, Công ty được phép thiết lập một khu riêng biệt trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài.

Ngày 19/12/2002 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép đầu tư số 953/GPDC4 chuẩn y việc tăng vốn đầu tư của Công ty từ 39.000.000 USD lên 46.000.000 USD, tăng vốn pháp định của Công ty từ 15.000.000 USD lên 21.000.000 USD.

*Bên Việt Nam góp 3.150.000 USD, chiếm 15% vốn pháp định, bằng giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất, 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển;

*Bên nước ngoài góp 17.850.000 USD, chiếm 85% vốn pháp định, bằng tiền nước ngoài.

Năm 2005:

Chuyển đổi từ Công ty liên doanh thành Công ty cổ phần :

Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH-GP cho phép Công ty liên doanh TNHH quốc tế Hoàng Gia được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với số vốn điều lệ là 21.000.000 USD, tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá 1 USD/cổ phần.

Năm 2006:

Ngày 14/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953/CPH/GPDC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi trên mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

Mệnh giá cổ phần : 10.000 VNĐ/cổ phần

Vốn điều lệ : 332.136.000.000 VNĐ

Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

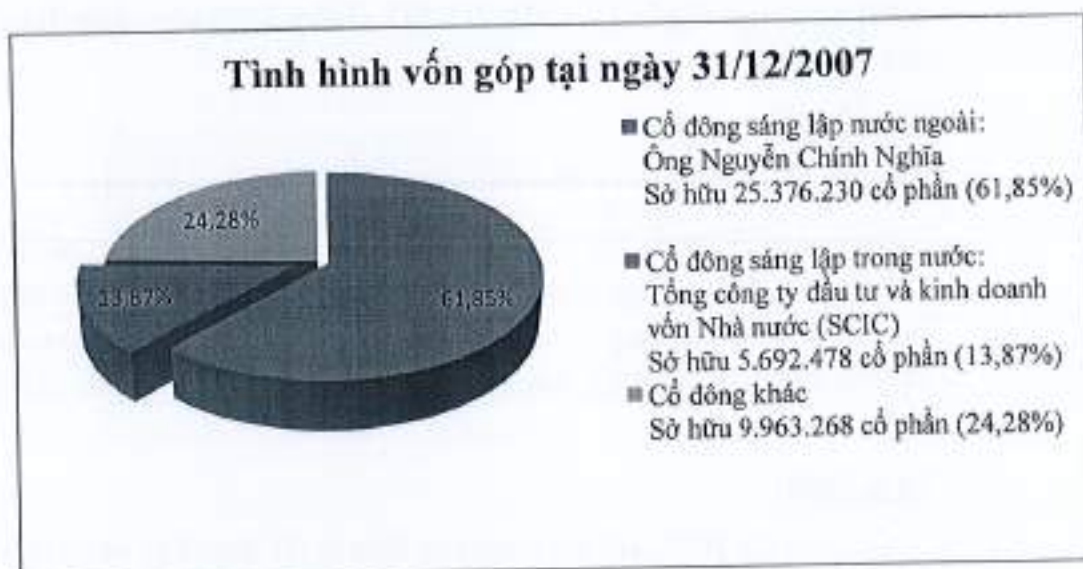
Ngày 22/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành công văn số 1868/BKH-ĐTNN chấp thuận cho ông Nguyễn Chính Nghĩa chuyển nhượng số cổ phần tương đương 10,54% vốn điều lệ cho 81 người nước ngoài và chấp thuận về nguyên tắc việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông hiện hữu và việc phát hành thêm 6,5% vốn điều lệ (tương đương 2.158.884 cổ phần) ra bên ngoài doanh nghiệp.

Năm 2007:

Niên yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE:

Ngày 17/04/2007 Bộ tài chính đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn đầu tư nhà nước từ Công ty Du lịch Hạ Long (thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh) về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Tháng 7/2007 cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán RIC.



Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, Công ty đã quyết định chia cổ tức năm 2006 cho cổ đông bằng cổ phiếu tương ứng 16% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày 22/08/2007. Việc chia cổ tức này đã làm tổng số cổ phần của Công ty tăng lên thành 41.031.976 cổ phần.

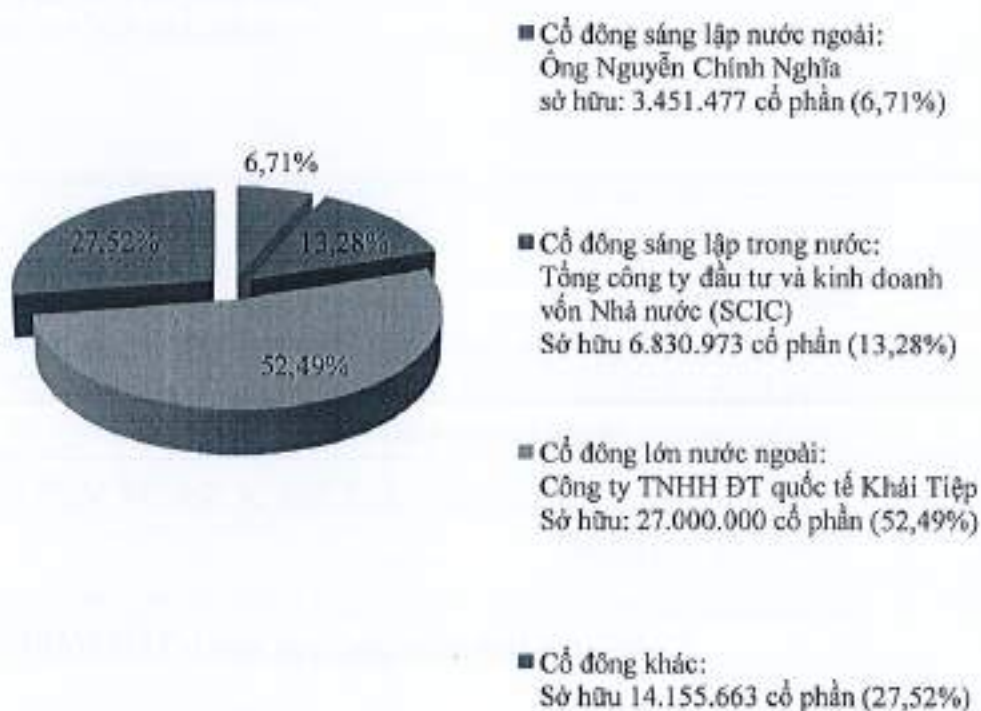
Năm 2008:

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2008, Công ty đã quyết định chia cổ tức và cổ phiếu thưởng năm 2007 cho cổ đông bằng cổ phiếu tương ứng 20% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày

18/07/2008. Việc chia cổ tức này đã làm số cổ phần của Công ty tăng lên thành 49.238.113 cổ phần. Sau đó, Công ty đã phát hành thêm 2.200.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tổng số cổ phần sau khi tăng vốn là 51.438.113 cổ phần.

Kể từ ngày 28/10/2008 đến 22/12/2008, ông Nguyễn Chính Nghĩa - Chủ tịch HĐQT Công ty đã tiến hành chuyển nhượng 27.000.000 cổ phần (tương đương 52,49% vốn điều lệ của Công ty) trong tổng số 30.451.477 cổ phần của mình cho Kai Chieh International Investment Ltd (Công ty TNHH Đầu tư quốc tế Khai Tiệp). Đây là một công ty có tiềm lực tài chính, đồng thời đã cam kết sẽ hỗ trợ mọi điều kiện để Công ty tiếp tục thực hiện và phát triển dự án của Công ty Hoàng Gia.

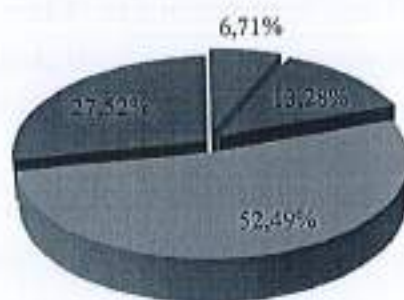
Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2008



Năm 2009:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty trả cổ phiếu thưởng năm 2008 bằng cổ phiếu tương ứng 10% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày 10/06/2009. Tổng số cổ phần sau khi tăng vốn của Công ty là: 56.581.407 cổ phần.

Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2009



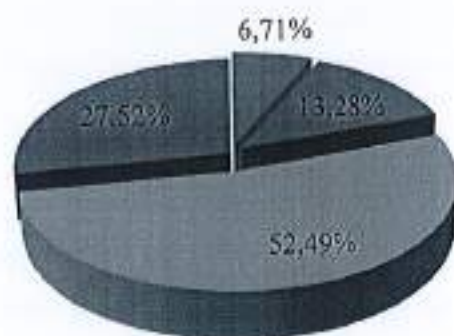
- Cổ đông sáng lập nước ngoài:
Ông Nguyễn Chính Nghĩa
Số hữu 3.796.623 cổ phần (6,71%)
- Cổ đông sáng lập trong nước:
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
Số hữu 7.514.070 cổ phần (13,28%)
- Cổ đông lớn nước ngoài:
Công ty TNHH ĐT quốc tế Khải Tiệp
Số hữu 29.700.000 cổ phần (52,49%)
- Cổ đông phổ thông khác
Số hữu 15.570.714 cổ phần (27,52%)

Năm 2010:

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng tương ứng 15% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày 27/07/2010.

Theo đó, vốn góp cổ phần của Công ty tăng từ 56.581.407 cổ phần lên 65.067.389 cổ phần.

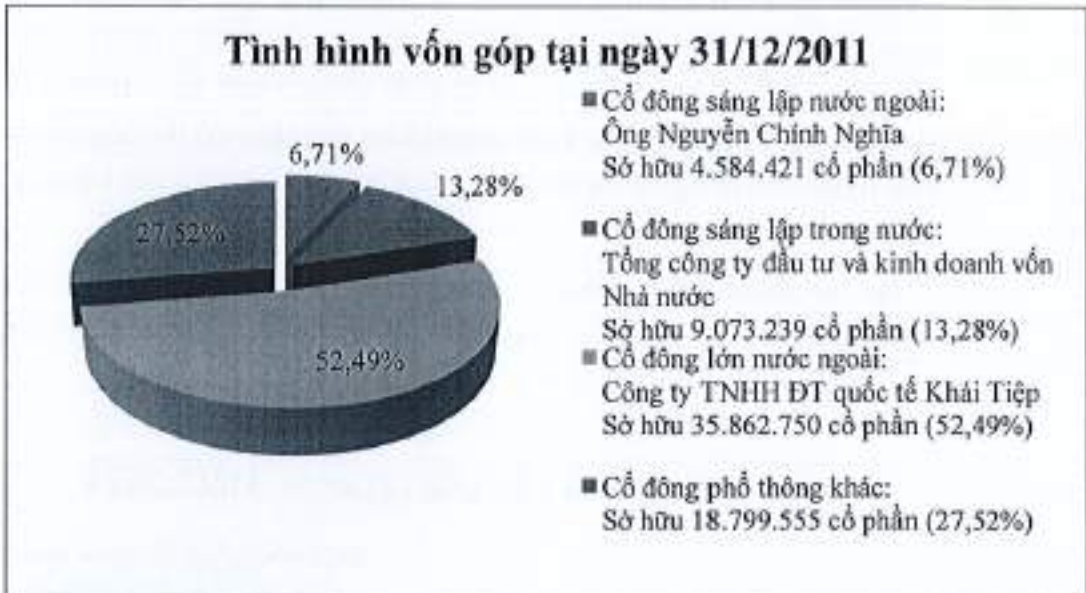
Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2010



- Cổ đông sáng lập nước ngoài:
Ông Nguyễn Chính Nghĩa
Số hữu 4.366.116 cổ phần (6,71%)
- Cổ đông sáng lập trong nước:
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)
Số hữu 8.641.180 cổ phần (13,28%)
- Cổ đông lớn nước ngoài:
Công ty TNHH ĐT quốc tế Khải Tiệp
Số hữu 34.155.000 cổ phần (52,49%)
- Cổ đông phổ thông khác
Số hữu 17.905.093 cổ phần (27,52%)

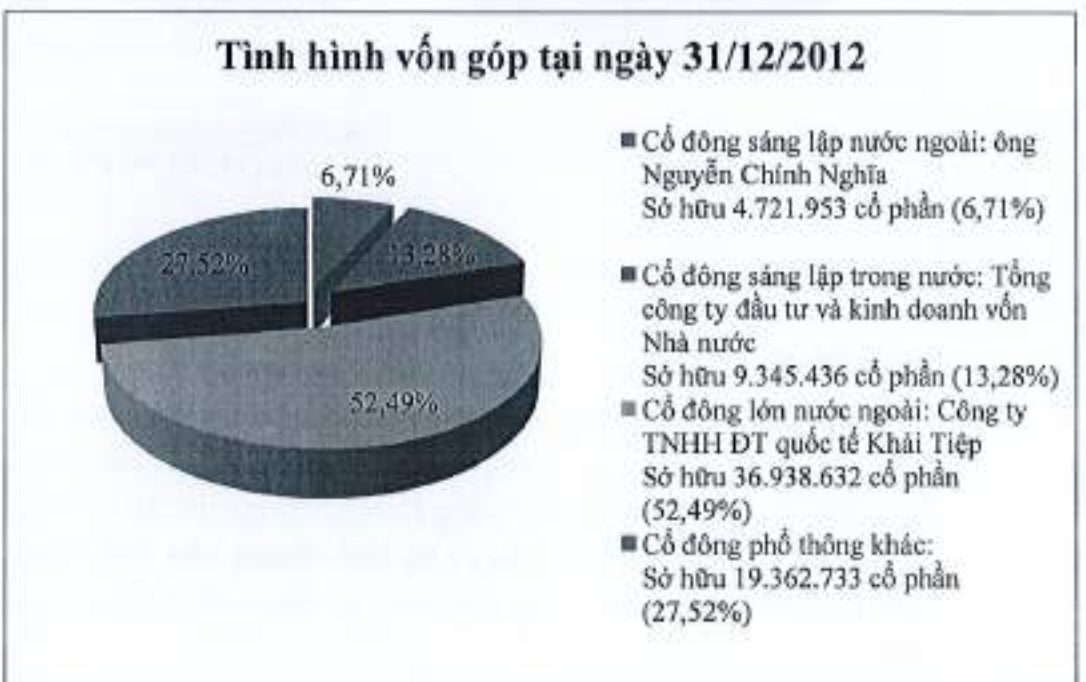
Năm 2011:

Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu tương ứng 5% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày 10/06/2011. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã làm cho vốn góp cổ phần của Công ty tăng từ 65.067.389 cổ phần lên 68.319.965 cổ phần.



Năm 2012:

Đại hội cổ đông đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu tương ứng 3% vốn góp, danh sách hưởng quyền chốt ngày 26/06/2012. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã làm cho vốn góp cổ phần của Công ty tăng từ 68.319.965 cổ phần lên 70.368.754 cổ phần.

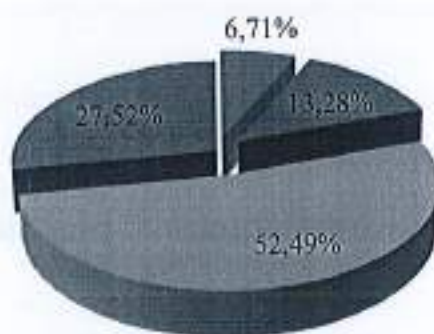


Năm 2013 và năm 2014:

Giấy chứng nhận đầu tư số 221.032.000.118 thay đổi lần thứ 9 ngày 12 tháng 9 năm 2014 chứng nhận Công ty cổ phần Quốc tế Hoàng Gia đăng ký tăng vốn đầu tư từ 46.000.000 USD lên thành 67.000.000 USD cho dự án xây dựng khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế năm sao, các khu vui chơi giải trí và các dịch vụ kèm theo; kinh doanh khu vui chơi có thương hiệu riêng cho người nước ngoài tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Do lợi nhuận thấp, Công ty không chi trả cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho cổ đông. Vì vậy vốn góp của các cổ đông trong 2 năm 2013 và năm 2014 không thay đổi là 70.368.754 cổ phần.

Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2014

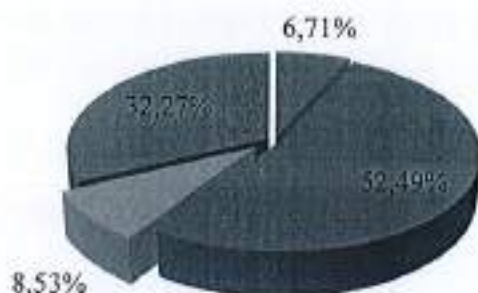


- Cổ đông sáng lập nước ngoài:
Ông Nguyễn Chính Nghĩa
Sở hữu 4.721.953 cổ phần (6,71%)
- Cổ đông sáng lập trong nước:
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn
Nhà nước (SCIC)
sở hữu 9.345.436 cổ phần (13,28%)
- Cổ đông lớn nước ngoài:
Công ty TNHH ĐT quốc tế Khai Tiệp
Sở hữu 36.938.632 cổ phần (52,49%)
- Cổ đông phổ thông khác:
Sở hữu 19.362.733 cổ phần (27,52%)

Năm 2015:

Trong năm 2015, Cổ đông sáng lập là Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH (tên viết tắt SCIC) đã bán toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia cho 2 nhà đầu tư cá nhân. Đến ngày 31/12/2015 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước - Công ty TNHH không còn là cổ đông của Công ty. Năm 2015 Công ty không trả cổ tức.

Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2015



- Cổ đông sáng lập nước ngoài:
Ông Nguyễn Chính Nghĩa
sở hữu 4.721.953 cổ phần (6,71%)
- Cổ đông lớn nước ngoài:
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải
Tiếp
sở hữu 36.938.632 cổ phần (52,49%)
- Cổ đông lớn trong nước: Ông Lê Quốc
Thắng
Sở hữu 6.000.000 cổ phần (8,53%)
- Cổ đông khác
sở hữu 22.708.169 cổ phần (32,27%)

Năm 2016:

Vốn góp trong năm 2016 không thay đổi so với năm 2015 do Công ty tiếp tục không trả cổ tức cho các cổ đông.

Năm 2017:

Gia đình ông Nguyễn Chính Nghĩa đã hoàn tất thủ tục thừa kế (Do ông Nguyễn Chính Nghĩa là cổ đông sáng lập nước ngoài từ trần ngày 21/03/2011). Cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2017

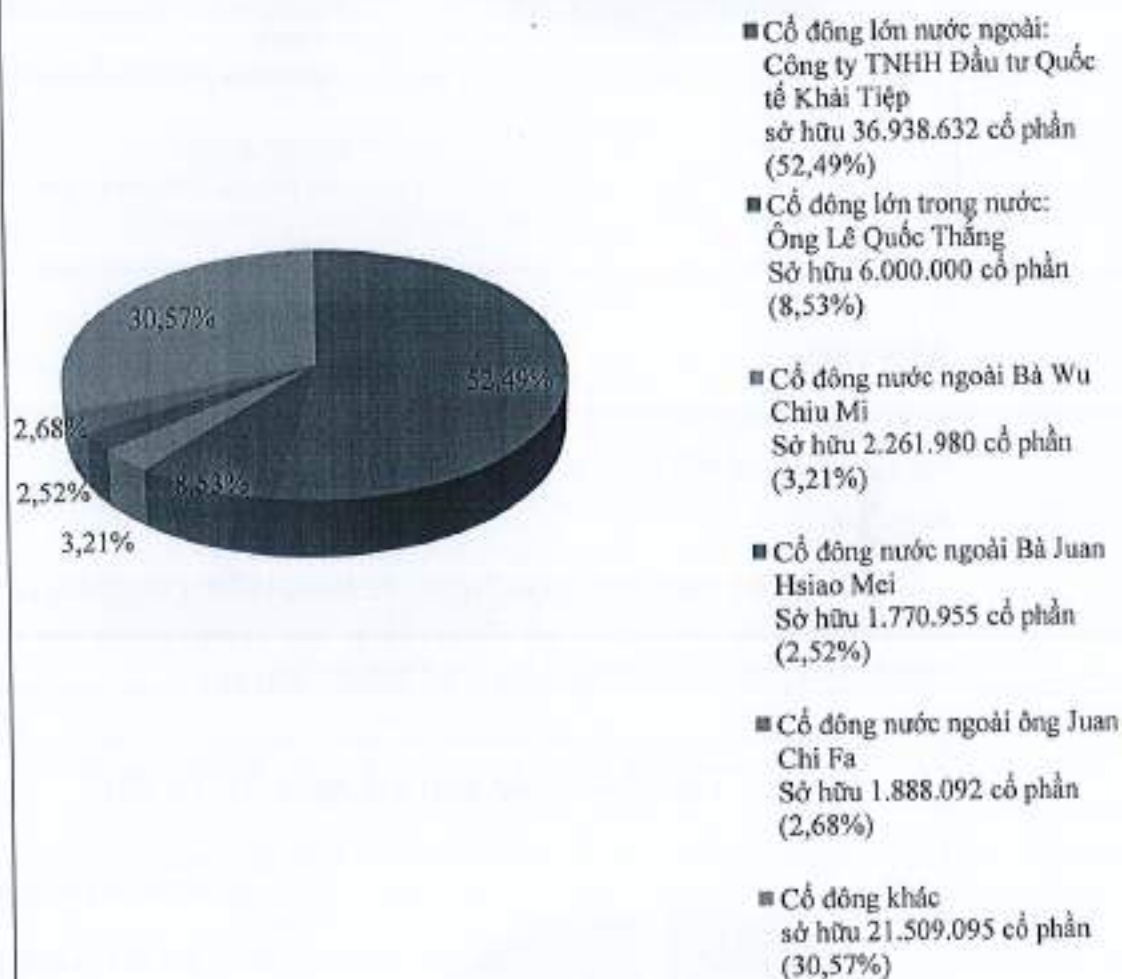


- Cổ đông lớn nước ngoài:
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải
Tiếp
sở hữu 36.938.632 cổ phần (52,49%)
- Cổ đông lớn trong nước: Ông Lê
Quốc Thắng
Sở hữu 6.000.000 cổ phần (8,53%)
- Cổ đông khác
sở hữu 27.430.122 cổ phần (38,98%)

Năm 2018:

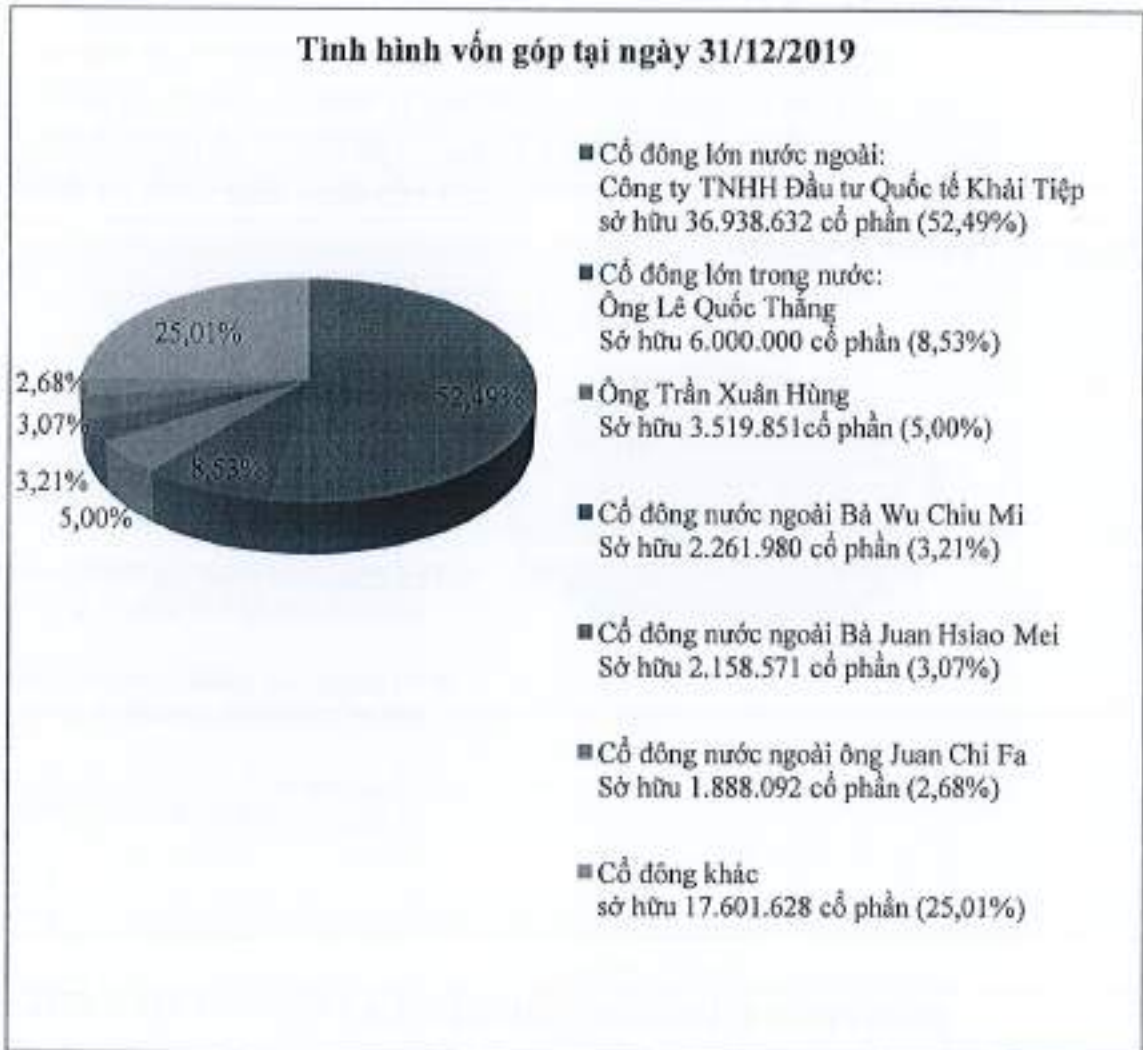
Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 221.032.000.118 thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 11 năm 2018 thay đổi cơ cấu vốn đầu tư. Cụ thể cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2018 như sau :

Tình hình vốn góp tại ngày 31/12/2018



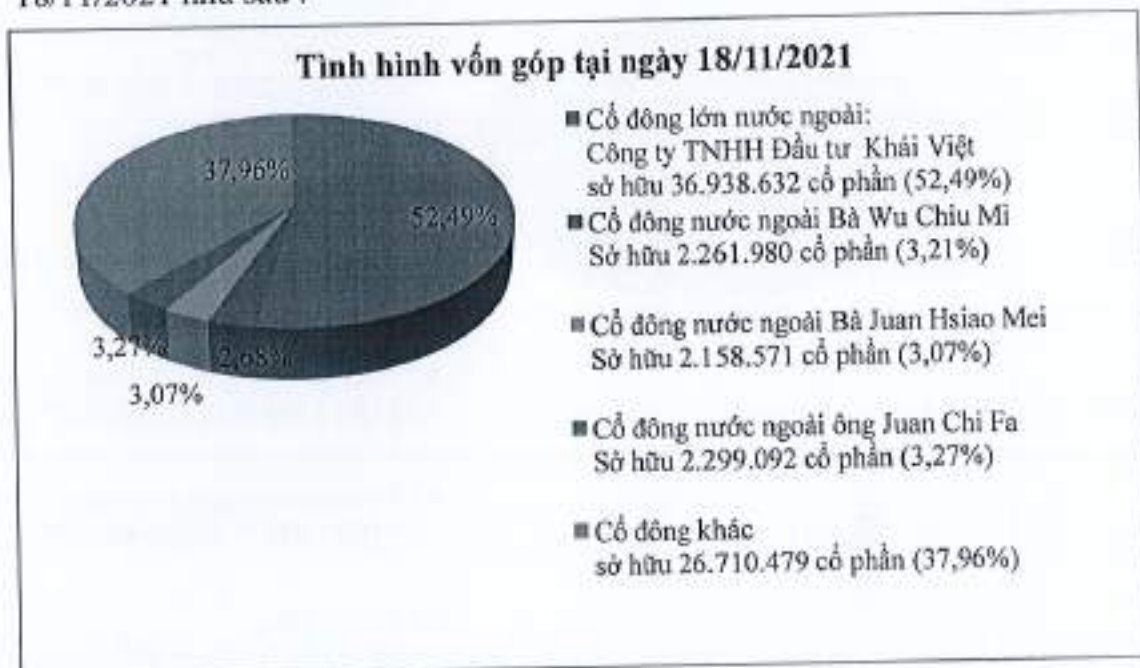
Năm 2019:

Công ty không trả cổ tức năm 2018. Cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2019 như sau :



Năm 2021:

Cổ đông lớn là Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp chuyển quyền sở hữu 52,49% cổ phiếu RIC cho Công ty con là Công ty TNHH đầu tư Khải Việt. Các cổ đông lớn khác đã giao dịch bán số cổ phần sở hữu. Công ty không trả cổ tức năm 2020. Cơ cấu vốn theo danh sách cổ đông ngày 18/11/2021 như sau :



BẢNG BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Cơ cấu Cổ đông	Năm 2020	Năm 2021
I/Cổ đông lớn nước ngoài:	369,38	369,38
- Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	369,38	
- Công ty TNHH đầu tư Khải Việt		369,38
II/Cổ đông lớn trong nước:	95,19	
- Lê Quốc Thắng	60,00	0
- Ông Trần Xuân Hùng	35,19	0
III/Cổ đông khác:	239,11	334,30
- Wu Chiu Mi	22,62	22,62
- Juan Hsiao Mei	21,59	21,59
- Juan Chi Fa	22,99	22,99
- Cổ đông khác	171,91	267,10
Tổng Vốn điều lệ	703,68	703,68

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã thực hiện:

- a. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí:
 - Bê tông hóa toàn bộ hệ thống đường nội bộ và thường xuyên vệ sinh hằng ngày để giảm thiểu vi lượng bụi phát sinh.
 - Lắp đặt hệ thống thông gió tầng hầm để không khí được lưu thông tốt.
 - Trồng cây xanh, kết hợp các khu tiểu cảnh tạo cảnh quan và điều hòa không khí khu vực Khách sạn - Biệt thự.
 - Kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống thông gió, máy phát điện định kỳ để kịp thời sửa chữa hoặc thay thế nếu bị hỏng.
- b. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường nước:
 - Nước mưa chảy tràn:
 - + Thu gom nước mưa rửa trôi qua hệ thống rãnh thoát nước và hố ga dọc đường giao thông nội bộ sau đó chảy ra biển.
 - + Nạo vét hệ thống cống rãnh và hố ga định kỳ để tăng hiệu quả xử lý.
 - + Đặt lưới chắn rác có kích cỡ phù hợp tại các cửa xả để loại bỏ lượng rác thải trong nước khi chảy ra biển.
 - Nước thải sinh hoạt:
 - + Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt qua hệ thống cống bê tông ngầm, đường ống được bố trí sau các công trình vệ sinh của các nhà hàng, khách sạn.
 - + Xử lý nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo rãnh thoát đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố về trạm xử lý nước thải khu vực Bãi Cháy.
 - + Hợp đồng với Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố để xử lý nước thải sinh hoạt của khu vực Khách sạn - Biệt thự.
 - + Kiểm tra định kỳ đường ống để phát hiện hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa thay thế kịp thời.
- c. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn:
 - Rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng nhựa và phân loại như sau:
 - + Thực phẩm dư thừa từ nhà bếp được cán bộ cấp dưỡng thu gom, tận dụng làm thức ăn gia súc.
 - + Các loại rác thải sinh hoạt khác bao gồm: rác hữu cơ, bao bì nilon, vỏ hộp nhựa... được phân loại, thu gom tập trung và ký hợp đồng với Công ty

CP đầu tư phát triển môi trường đô thị Judenco vận chuyển xử lý.

- Chất thải nguy hại:

+ Thu gom chất thải nguy hại phát sinh vào các thùng chứa đặt trong nhà kho có mái che.

+ Đăng ký chủ nguồn thải nguy hại với Sở tài nguyên và môi trường Quảng Ninh với mã số quản lý: 22000374T cấp ngày 20/06/2011.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Lượng điện tiêu thụ năm 2021 của Công ty là 4.957.575 kwh, tương đương 9.759.370.014 đồng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

6.3. Tiêu thụ nước:

Lượng nước tiêu thụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 là 40.294m³, tương đương 828.520.467 đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

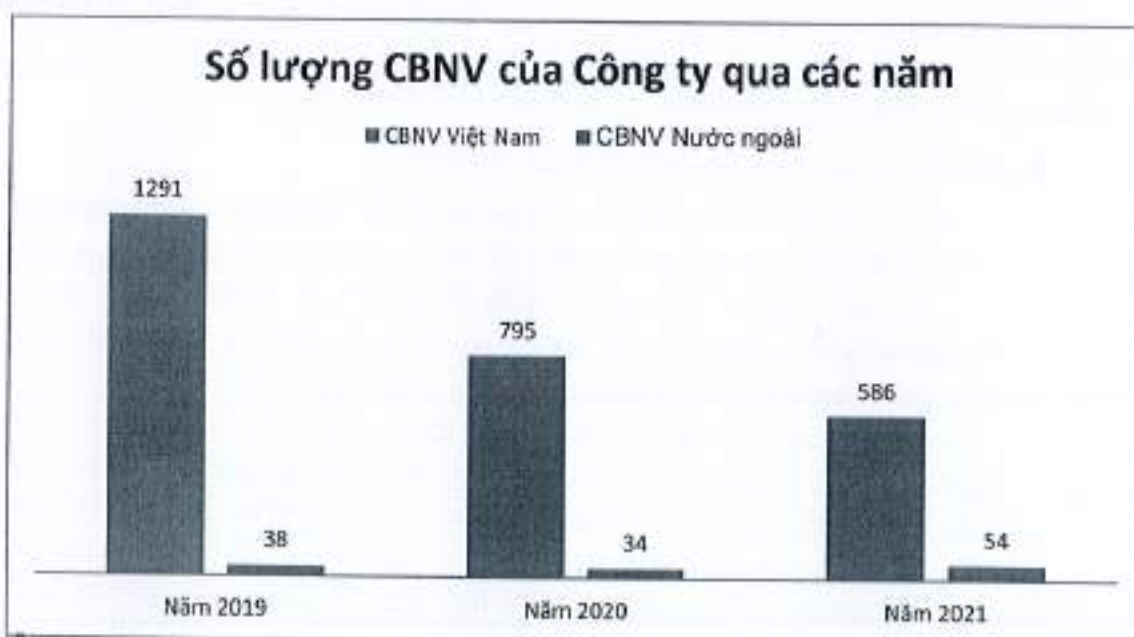
Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và ký hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển môi trường đô thị Judenco để thực hiện thu gom và xử lý rác thải hàng ngày. Đối với rác thải nguy hại, Công ty có khu lưu trữ riêng và thực hiện xử lý theo đúng quy định về xử lý rác thải nguy hại.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<i>1. Lao động được đào tạo</i>		
- Trình độ Đại học và sau Đại học	161	25,16
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Học nghề, Sơ cấp	191	29,84
- Công nhân kỹ thuật, tay nghề cao	159	24,84
<i>2. Lao động phổ thông</i>	75	11,72
<i>3. Lao động nước ngoài</i>	54	8,44
4. Tổng số	640	100

Thu nhập bình quân của cán bộ, nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021):

Nhân viên theo quốc tịch	Số lượng (người)	Thu nhập bình quân/tháng
1. Cán bộ nhân viên Việt Nam	586	7.625.427 (VND)
2. Cán bộ nhân viên Nước ngoài	54	1.493 (USD)



- Chế độ làm việc, phúc lợi nhân viên:

Mặc dù kinh doanh trong khoảng thời gian dài bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc vẫn duy trì hợp đồng lao động đối với CBNV, sắp xếp để CBNV của Công ty làm việc đan xen nghỉ giãn công nhằm đảm bảo nguồn thu nhập. Các cán bộ nhân viên thuộc trường hợp F0, F1 phải cách ly theo quy định nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành công việc được Ban Tổng Giám đốc giao và vẫn được hưởng lương.

Ban chấp hành công đoàn hỗ trợ kinh phí một lần cùng các chế độ phúc lợi như thăm hỏi ốm đau khác cho CBNV thuộc trường hợp F0. Tổ chức Tết sum vầy và tặng quà tết cho toàn thể CBNV với tinh thần “Gắn kết yêu thương”.

Các ngày nghỉ phép nghỉ lễ tết thực hiện đúng quy định của Bộ luật lao động và các quy định liên quan khác.

6.6. Các hoạt động cộng đồng:

Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và thực hiện chủ trương phòng chống dịch của các cấp chính quyền, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban chấp hành Công đoàn Công ty quyết định không tổ chức và hạn chế tham gia các hoạt động cộng đồng, ngoại trừ các chương trình do các cấp chính quyền và LDLĐ các cấp phát động. Tập trung mọi nguồn lực đảm bảo sức khỏe và đời sống cho cán bộ nhân viên, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp trên toàn thế giới, đặc biệt bùng phát mạnh tại khu vực Châu Á. Tại Việt Nam, bắt đầu từ tháng 4/2021 dịch bệnh đã xuất hiện nhiều chủng mới lây lan nhanh trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh, thành trên cả nước, hầu như tất cả các tỉnh, thành đều phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT - TTg, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành nghề, trong đó ảnh hưởng nặng nề nhất là ngành Du lịch - dịch vụ, các nhà hàng, khách sạn doanh thu sụt giảm nghiêm trọng. Tuy Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng vẫn không tránh khỏi doanh thu lợi nhuận sụt giảm, năm 2021, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty giảm 20.996.889.928 đồng so với năm 2020.

2. Tình hình tài chính:

Tài sản ngắn hạn năm 2020 là 60.073.265.460 đồng, năm 2021 là 25.342.016.080 đồng, giảm 58%. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng giảm. Tài sản dài hạn, năm 2020 là 880.958.512.980 đồng, năm 2021 là 824.074.944.800 đồng, giảm 6%. Nguyên nhân giảm chủ yếu là do Công ty trong năm tiến hành trích khấu hao.

- Nợ phải thu ngắn hạn năm 2021 giảm so với năm 2020 là 28% (2021 là 8.465.005.440 đồng, năm 2020 là 11.743.659.720 đồng)
- Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.
- Công ty đã cố gắng trả nợ gốc vay, đồng thời làm việc với ngân hàng để được hưởng các gói vay lãi suất thấp. Do vậy, chi phí lãi vay năm 2021 giảm 1.641.260.880 đồng (2020 là 5.854.936.500 đồng, năm 2021 là 4.213.675.620 đồng)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị;
- Thay đổi Người đại diện pháp luật của Công ty từ chức danh Tổng Giám đốc sang chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong tương lai, kế hoạch và định hướng của HĐQT chủ yếu như sau:

- Duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty, cải thiện biện pháp kinh doanh nhằm nâng cao doanh thu, tìm kiếm lợi nhuận.
- Khởi động các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, xúc tiến các thủ tục đầu tư xây dựng khách sạn 5 sao mới tại khu đất 1,47 ha phía trước khách sạn Hoàng Gia; Tiến hành các thủ tục pháp lý và triển khai đầu tư khu nghỉ dưỡng 5 sao tại khu đất 6,8 ha đồi Lápít phía tây Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Điều chỉnh quy hoạch khu Biệt thự, xúc tiến đầu tư xây dựng khu Dinh thự cao cấp trên phần diện tích khoảng 2,1 ha phía đông Khu Biệt thự.
- Từng bước đưa Dự án Hoàng Gia hòa nhập với các dự án trong khu vực.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh, trong bối cảnh đất nước không mở cửa đón khách du lịch do tình hình dịch bệnh, Công ty tập trung khai thác nguồn khách nội địa, bao gồm khách Việt Nam và khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Mặt khác, Công ty đã cắt giảm chi phí đến mức thấp nhất (bao gồm cả chi phí nhân công, chi phí xây dựng), đồng thời thực hiện chính sách giá cả linh hoạt nhằm tăng sức cạnh tranh. Hoạt động kinh doanh của các bộ phận kinh doanh cụ thể như sau:

* Khách sạn và Biệt thự:

Lượng khách lưu trú tại Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia vẫn duy trì ở mức rất thấp, cụ thể: Công suất phòng Khách sạn chỉ đạt 12%, Biệt thự chỉ đạt 30%.

* Câu lạc bộ quốc tế:

Do lượng khách vào chơi trò chơi điện tử tại Câu lạc bộ Hoàng Gia ở mức rất thấp nhưng rải rác, nên Công ty vẫn phải duy trì hoạt động kinh doanh và đảm bảo ca trực của nhân viên ở mức hợp lý (03 ca), dẫn đến Công ty phải ghi nhận lỗ ròng sau thuế.

Kết quả kinh doanh CLB năm 2021: doanh thu thuần giảm 1.252.226 USD (42%) so với năm 2020, chỉ đạt 30,3% so với Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên 2021.

Nguyên nhân chủ yếu:

Nguồn khách sụt giảm nghiêm trọng do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, dù Công ty đã nỗ lực cắt giảm nhiều loại chi phí hoạt động (Chi phí lãi vay toàn Công ty giảm 28%, chi phí bán hàng toàn Công ty giảm 16%). Mặc dù vậy, Công ty cũng đã đạt được những kết quả như sau:

- So sánh với năm 2020, Công ty nỗ lực cắt giảm nhiều loại chi phí nên mặc dù doanh thu thuần giảm 42% nhưng lỗ ròng sau thuế chỉ tăng 16%.
- Không phải dừng hoạt động kinh doanh hoàn toàn mà chỉ tạm dừng cục bộ, hoặc phải bố trí giãn công (một tuần làm việc 3-4 ngày).
- Công ty chi đủ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, các khoản phúc lợi khác của người lao động vẫn được đảm bảo, đặc biệt nhân viên vẫn được hưởng tiền thưởng cuối năm bằng một tháng lương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc đã ứng phó nhanh với diễn biến của dịch bệnh để hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn. Kịp thời thành lập Ban phòng chống dịch bệnh Covid-19, giám sát cán bộ nhân viên toàn Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp 5K nhằm đảm bảo công tác phòng chống dịch nói chung, cũng như bảo vệ sức khỏe của người lao động và khách hàng nói riêng.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh và các quy định phòng chống dịch của UBND tỉnh để triển khai thực hiện các biện pháp nhằm thu hút khách nội địa, nâng cao doanh thu. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh kéo dài đi kèm là các quy định phòng chống dịch, đặc biệt lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch vì vậy kết quả kinh doanh của Công ty không thể có lãi.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp quản lý chi phí, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chủ trương của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao. Với sự đóng góp của Ban Tổng Giám đốc, HĐQT tin rằng Công ty sẽ từng bước khắc phục được tình trạng khó khăn hiện nay.

3. Dự kiến chỉ tiêu kinh doanh năm 2022:

Đơn vị tính: USD

Stt	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Chênh lệch	Tăng/giảm (%)
1	Tổng doanh thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động kinh doanh	3.273.161	6.323.000	3.049.839	93%
2	Lỗ sau thuế	4.480.936	1.580.000	(2.900.936)	(65%)

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị năm 2021 của Công ty gồm 05 thành viên:

- Ông Lin Yi Huang - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân tài chính
Thời gian gắn bó: Từ ngày 11/11/2021
- Bà Nguyễn Tiểu Mai - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1979
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2011
- Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh - Ủy viên HĐQT độc lập
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tiến Anh, Cử nhân Kế toán
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ ngày 11/11/2021
- Bà Nguyễn Mai Phương - Ủy viên HĐQT không điều hành
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ ngày 09/09/2021
- Bà Trần Gia Ngọc Phương - Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Khách sạn & Du lịch
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ ngày 09/09/2021

Các thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong năm 2021:

- Ông Nguyễn Khải Phát - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1981
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành quản trị kinh doanh
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2011 (miễn nhiệm ngày 11/11/2021)
- Ông Lê Quốc Thắng - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1967
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2016 (miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
- Bà Ngô Thu Mật - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh doanh
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2007 (miễn nhiệm ngày 09/09/2021)
- Bà Đào Ngọc Hoa - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, cử nhân ngoại ngữ
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2013 (miễn nhiệm ngày 09/09/2021)
- Ông Phạm Ngọc Nam - Ủy viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1951
Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm ngoại ngữ
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 1994 (miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
- Bà Điền Dục Thanh - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý kinh doanh
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2017(miễn nhiệm ngày 30/06/2021)
- Bà Nguyễn Chính Chi - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập
Năm sinh: 1951
Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế, ngành luật
Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2017(miễn nhiệm ngày 11/11/2021)
- Bà Lý Tiên Lệ - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập
Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Thời gian gắn bó với Công ty: Từ năm 2017 (miễn nhiệm ngày 30/06/2021)

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

➤ Ủy ban kiểm toán:

- Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh - Chủ tịch
- Bà Trần Gia Ngọc Phương - Thành viên

c. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021 trích yếu như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1		22/02/2021	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	78
2		29/03/2021	Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ và ban hành quy chế hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ Thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2021	78
3		16/04/2021	Giao Ban TGD thực hiện các thủ tục liên quan đến cổ phần - cổ phiếu	100
4		04/05/2021	Lựa chọn Công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2021 và công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100
5		08/06/2021	Ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thông qua tài liệu Đại hội và dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	78
6		01/07/2021	Bầu bà Nguyễn Tiểu Mai giữ chức danh Chủ tịch HĐQT	80

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
7		26/07/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng hình thức trực tuyến	80
8		18/08/2021	Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	80
9		21/09/2021	Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ hai bằng hình thức trực tuyến.	100
10		14/10/2021	Thay đổi thời gian họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ hai năm 2021	100
11		20/10/2021	Thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường lần hai	100
12		01/11/2021	Thông qua việc sửa đổi Tờ trình ĐHĐCĐ tại Đại hội bất thường	100
13		23/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi Chủ tịch HĐQT - Thay đổi Người đại diện theo pháp luật - Thay đổi Tổng Giám đốc 	100
14		01/12/2021	Chấm dứt Hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý	100
15		01/12/2021	Tái thành lập Phòng Hành chính	100
16		10/12/2021	Bổ nhiệm Phó TGD	100
17		27/12/2021	Bổ nhiệm Chủ tịch và Thành viên Ủy ban Kiểm toán	100
18		28/12/2021	Thông qua và ban hành "Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán".	100

2. Ủy ban kiểm toán:

Trong năm 2021, UBKT đã thực hiện 5 cuộc họp, các thành viên của UBKT đã tham dự đầy đủ. UBKT trực tiếp đề xuất ý kiến với HĐQT trong các cuộc họp của HĐQT, tham mưu cho HĐQT thành lập Ban kiểm toán nội bộ, trình HĐQT phê duyệt quy chế kiểm toán nội bộ và nhân sự của Ban kiểm toán nội bộ; xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022, chương trình hành động và các vấn đề chuyên môn khác, cụ thể:

a. Về giám sát báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo tài chính được lập phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính phù hợp, việc tuân thủ chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như chuẩn mực kế toán quốc tế trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính Quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo cả năm trước khi được thông qua và công bố thông tin.

b. Về giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập:

- Việc kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty kiểm toán hoàn toàn độc lập và khách quan.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty:

- Thông qua hoạt động của UBKT, mặc dù tình hình dịch bệnh kéo dài nhưng công ty vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh, tích cực tìm kiếm nguồn khách hàng. Mặt khác công ty đã làm tốt nghiệp vụ quản lý chi phí, hạn chế suy giảm lợi nhuận sau thuế. Tình hình tài chính năm 2021:

Năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp trên toàn thế giới, đặc biệt bùng phát mạnh tại khu vực Châu Á. Tại Việt Nam, bắt đầu từ tháng 4/2021 dịch bệnh đã xuất hiện nhiều chủng mới lây lan nhanh trên diện rộng ở hầu hết các tỉnh, thành trên cả nước, hầu như tất cả các tỉnh, thành đều phải thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT - TTg, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều ngành nghề, trong đó ảnh hưởng nặng nề nhất là ngành Du lịch - dịch vụ, các nhà hàng, khách sạn doanh thu sụt giảm nghiêm trọng. Tuy Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng vẫn không tránh khỏi doanh thu lợi nhuận sụt giảm, năm 2021, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty giảm 20.996.889.928 đồng so với năm

2020.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua không chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán năm 2020;

- Tổng thu nhập của Ban Giám đốc trong năm 2021:

Họ Tên	Chức vụ	Số tiền (VND)
Ông Kuo Ta Wei	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 23/11/2021)	73.715.840
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/11/2021)	1.484.236.485
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó TGD	336.694.000
Ông Loh Siaw Kiang	Phó TGD	1.078.637.475
Ông Công Nghĩa Nam	Phó TGD (bổ nhiệm ngày 10/12/2021)	46.569.000
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	332.141.000
Tổng cộng		3.351.993.800

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2021:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Bà Đào Ngọc Hoa	UV HDQT	2.908.754	4,13	0	0	Bán
2	Bà Đào Ngọc Hoa	UV HDQT	0	0	333.333	0,47	Mua
3	Ông Lê Quốc Thắng	UV HDQT	6.765.483		0	0	Bán
4	Công ty TNHH Đầu tư quốc tế Khải Tiệp	CĐL	36.938.632	52,49	0	0	Bán
5	Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	CĐL	0	0	36.938.632	52,49	Mua

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: (không có)
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật về quản trị Công ty niêm yết, công bố thông tin kịp thời và đầy đủ theo quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 của Công ty được đính kèm.

Hạ Long, ngày 19 tháng 04 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lân Yi Huang

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI
SANG ĐỒNG VIỆT NAM
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lin Yi Huang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Khoa Hoàng Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Nguyễn Chính Chi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Ông Nguyễn Khởi Phát	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2021)
Bà Đào Ngọc Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Ngô Thu Mật	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 9 năm 2021)
Bà Điền Dục Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Bà Lý Tiên Lệ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Giám đốc:

Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)
Ông Nguyễn Thắng Hiền	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022)
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2022)
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ủy quyền số 270/GUQ
ngày 10 tháng 12 năm 2021

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 0995 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 102.537.258.488 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 81.540.368.560 VND), và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 141.891.694.640 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 58.161.456.600 VND). Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập để ngày 28 tháng 3 năm 2022 về báo cáo tài chính đó với ý kiến chấp nhận toàn phần có nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Trần Xuân Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0910-2018-001

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.342.016.080	60.073.265.460
I. Tiền	110	4	9.238.093.520	32.220.856.980
1. Tiền	111		9.238.093.520	32.220.856.980
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.465.005.440	11.743.659.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.348.097.520	2.104.586.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.710.075.920	3.986.551.530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.354.020.400	5.652.521.550
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(5.947.188.400)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	7.482.180.400	14.525.131.530
1. Hàng tồn kho	141		7.482.180.400	14.525.131.530
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		156.736.720	1.583.617.230
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.736.720	1.583.617.230
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		824.074.944.800	880.958.512.980
I. Tài sản cố định	220		699.337.827.200	756.146.842.620
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	699.088.198.560	754.411.221.330
- Nguyên giá	222		1.207.801.980.160	1.240.542.386.850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(508.713.781.600)	(486.131.165.520)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	249.628.640	1.735.621.290
- Nguyên giá	228		101.799.877.040	103.463.567.610
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101.550.248.400)	(101.727.946.320)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		100.401.902.320	102.042.746.130
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	100.401.902.320	102.042.746.130
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.495.465.040	9.650.647.110
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9.495.465.040	9.650.647.110
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14.839.750.240	13.118.277.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.576.242.080	2.775.880.380
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	13.263.508.160	10.342.396.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		849.416.960.880	941.031.778.440

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

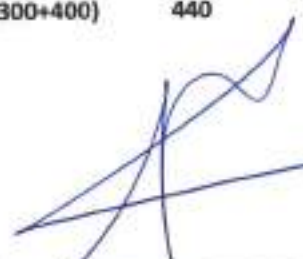
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		167.233.710.720	144.593.436.390
I. Nợ ngắn hạn	310		167.233.710.720	118.234.722.060
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.922.792.560	6.992.209.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		378.789.840	604.748.820
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.030.748.880	6.645.955.290
4. Phải trả người lao động	314		3.712.620.400	6.786.086.190
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	528.779.840	2.489.543.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	75.048.815.280	49.118.319.510
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	82.611.163.920	45.597.858.540
II. Nợ dài hạn	330		-	26.358.714.330
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	26.358.714.330
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		682.183.250.160	796.438.342.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	682.183.250.160	796.438.342.050
1. Vốn điều lệ	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.363.105.200	81.363.105.200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		298.297.434.143	310.015.267.545
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(412.371.022.592)	(309.833.764.104)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(309.833.764.104)	(228.293.395.544)
- (Lỗ) năm nay	421b		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		849.416.960.880	941.031.778.440


 Mai Thị Dung
 Người lập biểu


 Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng




 Công Nghĩa Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	74.899.743.163	125.525.910.720
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		74.899.743.163	125.525.910.720
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	121.441.980.289	151.596.878.580
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(46.542.237.126)	(26.070.967.860)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.279.879.056	3.730.466.040
7. Chi phí tài chính	22	26	6.403.761.784	8.072.880.200
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	4.213.675.620	5.854.936.500
8. Chi phí bán hàng	25	27	11.174.638.454	13.323.233.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	40.585.265.917	35.950.981.780
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(102.426.024.225)	(79.687.597.080)
11. Thu nhập khác	31		566.720.378	261.598.820
12. Chi phí khác	32		677.954.641	2.114.370.300
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(111.234.263)	(1.852.771.480)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.457)	(1.159)


 Mai Thị Dung
 Người lập biểu


 Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng




 Công Nghĩa Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	44.623.840.821	51.578.056.880
Các khoản dự phòng	03	6.011.020.855	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.901.371.353)	1.095.025.680
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.082.095)	19.779.480
Chi phí lãi vay	06	4.213.675.620	5.854.936.500
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(49.612.174.640)	(22.992.570.020)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.855.912.815)	16.765.798.000
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.303.069.518	(3.879.981.140)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	(5.794.273.079)	36.063.275.920
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.583.856.828	(774.181.940)
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.148.135.791)	(3.295.714.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.523.569.979)	21.886.625.880
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.476.659.956)	(8.269.996.980)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	986.531.896	397.249.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.490.128.060)	(7.872.747.400)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	138.516.657.048	111.934.532.220
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100.364.998.181)	(128.581.115.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	38.151.658.867	(16.646.583.380)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(22.862.039.172)	(2.632.704.900)
Tiền đầu năm	60	32.220.856.980	35.478.264.010
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	156.268.007	(521.093.440)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(276.992.295)	(103.608.690)
Tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	9.238.093.520	32.220.856.980


 Mai Thị Dung
 Người lập biểu


 Cao Thị Huyền
 Kế toán trưởng


 Công Nghĩa Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20 tháng 7 năm 2021, vốn đầu tư của Công ty là 1.171.473.560.000 VND tương đương 67.000.000 USD và vốn điều lệ là 703.687.540.000 VND tương đương 42.309.869,89 USD.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt (thành lập tại Quần đảo British Virgin).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 640 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 829 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện trọng yếu trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc Công ty hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 102.537.258.488 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 81.540.368.560 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 412.371.022.592 VND (31 tháng 12 năm 2020: 309.833.764.104 VND) và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 141.891.694.640 VND (31

tháng 12 năm 2020: 58.161.456.600 VND). Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và các khoản đi vay, trong khi diễn biến của dịch COVID-19 là khó dự đoán và các khoản tiền vay phụ thuộc vào việc tiếp tục được cấp tín dụng từ các ngân hàng thương mại.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch COVID-19 đang ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở sau:

- Công ty sẽ hoàn trả các khoản vay khi đến hạn, theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể được gia hạn hạn mức tín dụng đã được cấp hoặc được cấp các hạn mức tín dụng mới từ các ngân hàng.
- Công ty đã nhận được cam kết hỗ trợ tài chính từ Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân ("Lam Xuân") - đối tác cho vay. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể nhận được sự hỗ trợ tài chính từ Lam Xuân bất kỳ khi nào Công ty có nhu cầu.
- Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc dự đoán ngành du lịch nói chung cũng như hoạt động kinh doanh của khách sạn và câu lạc bộ của Công ty sẽ phục hồi đáng kể trong vòng 12 tháng tới do Việt Nam đã khôi phục lại các chuyến bay quốc tế kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022. Bên cạnh đó, thông qua việc thực hiện các biện pháp khác nhau như tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ dòng tiền để trang trải hoạt động kinh doanh.

Các điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trong trường hợp giả định hoạt động liên tục không phù hợp, báo cáo tài chính có thể có một số điều chỉnh cần thiết.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 01 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 06 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các mặt hàng tồn kho được xác định theo các phương pháp sau:

<i>Loại hàng tồn kho</i>	<i>Phương pháp tính giá</i>
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác USD được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác USD tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	8.137.246.160	15.463.157.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.100.847.360	16.757.699.790
	9.238.093.520	32.220.856.980

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.495.465.040	-	9.650.647.110	-
	9.495.465.040	-	9.650.647.110	-

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Khách đoàn Long Bay	6.002.837.520	55.649.120	1.213.202.250	1.213.202.250
Đại lý Hằng Thăng	300.930.880	300.930.880	750.310.080	750.310.080
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.329.120	44.329.120	141.074.310	141.074.310
	6.348.097.520	400.909.120	2.104.586.640	2.104.586.640
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(5.947.188.400)			-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	1.552.787.040	1.663.599.990
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	-	1.243.391.370
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	931.703.920	946.930.530
Khác	225.584.960	132.629.640
	2.710.075.920	3.986.551.530

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối năm	5.301.722.000	5.201.410.500
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	-	422.210.490
Khác	52.298.400	28.900.560
	5.354.020.400	5.652.521.550

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.687.566.720	-	10.689.387.540	-
Hàng hóa	2.794.613.680	-	3.835.743.990	-
	7.482.180.400	-	14.525.131.530	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản cố định khác		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	890.564.336.610	275.253.144.270	20.639.072.610	19.524.721.320	34.561.112.040	1.240.542.386.850	458.849.916					
Mua mới	-	-	-	-	-							
Thanh lý	-	(6.354.883.696)	(6.537.604.451)	(496.194.972)	-	(13.388.683.119)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(14.320.243.570)	(4.358.576.974)	(262.451.199)	(308.687.628)	(560.614.116)	(19.810.573.487)						
Số dư cuối năm	876.244.093.040	264.539.683.600	13.839.016.960	18.719.838.720	34.459.347.840	1.207.801.980.160						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	203.127.493.920	214.501.590.030	15.344.264.520	19.023.793.620	34.134.023.430	486.131.165.520						
Khấu hao trong năm	20.772.340.729	19.975.486.020	1.784.004.446	427.912.100	190.363.677	43.150.106.972						
Thanh lý trong năm	-	(5.968.922.800)	(5.898.230.548)	(487.778.800)	-	(12.354.932.148)						
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(3.486.869.449)	(3.661.302.530)	(203.045.298)	(310.446.040)	(550.895.427)	(8.212.558.744)						
Số dư cuối năm	220.412.965.200	224.846.850.720	11.026.993.120	18.653.480.880	33.773.491.680	508.713.781.600						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư đầu năm	687.436.842.690	60.751.554.240	5.294.808.090	500.927.700	427.088.610	754.411.221.330						
Số dư cuối năm	655.831.127.840	39.692.832.880	2.812.023.840	66.357.840	685.856.160	699.088.198.560						

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 640.077.129.120 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 747.401.431.920 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản tạm thời ngừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.862.760.080 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.339.533.340 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 142.417.282.240 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 97.889.165.010 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	101.112.106.680	2.351.460.930	103.463.567.610
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.625.879.160)	(37.811.410)	(1.663.690.570)
Số dư cuối năm	99.486.227.520	2.313.649.520	101.799.877.040
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	99.744.093.150	1.983.853.170	101.727.946.320
Khấu hao trong năm	1.360.462.999	113.270.850	1.473.733.849
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.618.328.629)	(33.103.140)	(1.651.431.769)
Số dư cuối năm	99.486.227.520	2.064.020.880	101.550.248.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.368.013.530	367.607.760	1.735.621.290
Số dư cuối năm	-	249.628.640	249.628.640

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 101.447.191.120 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.731.249.390 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	102.042.746.130	92.665.530.490
Tăng trong năm	-	9.935.424.520
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	(1.640.843.810)	(558.208.880)
Số cuối năm	100.401.902.320	102.042.746.130

Chi tiết số dư:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	37.990.780.320	38.611.654.380
+ Mua sắm tài sản cố định	5.321.758.400	5.408.730.600
+ Sửa chữa lớn biệt thự	26.741.552.960	27.178.583.640
+ Các dự án mới	5.927.468.960	6.024.340.140
- Nhà đa năng (*)	62.411.122.000	63.431.091.750
	100.401.902.320	102.042.746.130

(*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 30), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	1.716.700.640	415.987.360	1.454.876.280	422.785.740
Vật tư xây dựng	13.219.654.480	1.256.859.600	10.587.706.350	1.277.400.150
	14.936.355.120	1.672.846.960	12.042.582.630	1.700.185.890

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	191.624.960	191.624.960	281.525.969	281.525.969
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	-	-	1.199.971.500	1.199.971.500
Công ty TNHH Dự Thành	-	-	890.210.880	890.210.880
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	-	705.302.520	705.302.520
Phải trả cho các đối tượng khác	1.731.167.600	1.731.167.600	3.915.198.901	3.915.198.901
	1.922.792.560	1.922.792.560	6.992.209.770	6.992.209.770

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	Số cuối năm
	VND	VND	VND		VND
Thuế giá trị gia tăng	1.523.192.970	6.894.350.421	7.836.077.403	(14.492.468)	566.973.520
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.978.857.780	14.188.421.086	17.234.834.876	(47.709.270)	1.884.734.720
Thuế thu nhập cá nhân	143.904.540	2.072.993.853	1.630.848.527	(7.009.226)	579.040.640
Thuế khác	-	30.937.816	30.937.816	-	-
	6.645.955.290	23.186.703.176	26.732.698.622	(69.210.964)	3.030.748.880

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay	358.798.720	2.317.314.090
Khác	169.981.120	172.229.850
	528.779.840	2.489.543.940

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	851.920.560	972.609.690
+ Đại lý Thư Lượng	241.523.520	244.504.260
+ Đại lý Hằng Thăng	462.286.160	468.000.390
+ Khác	148.110.880	260.105.040
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.196.894.720	48.145.709.820
+ Đại lý Long Bay (*)	64.642.339.280	43.126.331.430
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.612.288.720	1.018.146.480
+ Bảo hành xây dựng	2.325.377.040	2.303.853.240
+ Chíp trời nổi	1.118.597.120	585.512.460
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	-	149.426.940
+ Khác	1.498.292.560	962.439.270
	75.048.815.280	49.118.319.510
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	26.358.714.330
+ Đại lý Long Bay	-	26.358.714.330
	-	26.358.714.330

(*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 15.114.509.280 VND tiền chip ký gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15.340.444.860 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	36.264.634.380	36.264.634.380	107.834.123.796	72.793.637.609	(955.237.287)	70.349.883.280
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	9.333.224.160	9.333.224.160	22.710.874.074	27.571.360.572	(98.463.262)	4.374.274.400
Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (iii)	-	-	7.971.659.178	-	(84.652.938)	7.887.006.240
	45.597.858.540	45.597.858.540	138.516.657.048	100.364.998.181	(1.138.353.487)	82.611.163.920

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 05 tháng 8 năm 2021 với hạn mức tín dụng 75,5 tỷ VND tương đương 3,33 triệu USD (tỷ giá 22.640 VND/USD). Hạn mức tín dụng này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 7 năm 2020 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 8 năm 2020. Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án "Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí" cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 442 ngàn USD (tỷ giá 22.640 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng kế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Cầu Lạc bộ và khách sạn 5 sao.

(iii) Khoản vay Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân bằng VND theo hợp đồng vay ký ngày 06 tháng 10 năm 2021 và hợp đồng vay ký ngày 28 tháng 12 năm 2021. Mục đích của khoản vay là để chi trả các khoản nợ và bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỐI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		(Lỗ) lũy kế		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	81.363.105.200	11.206.193.409	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870					
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(81.540.368.560)	-	(81.540.368.560)					
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	(2.519.615.260)	(2.519.615.260)					
Số dư cuối năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050					
Số dư đầu năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	81.363.105.200	11.206.193.409	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050					
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(102.537.258.488)	-	(102.537.258.488)					
Ảnh hưởng của áp dụng tỷ giá chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	(11.717.833.402)	(11.717.833.402)					
Số dư cuối năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	81.363.105.200	11.206.193.409	(412.371.022.592)	298.297.434.143	682.183.250.160					

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi		Vốn đã góp		Số đầu năm		Số cuối năm	
	'000 VND	USD quy đổi	'000 VND	USD quy đổi	'000 VND	USD quy đổi	'000 VND	USD quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320	-	369.386.320	22.219.546	52,49	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiếp	-	-	-	-	-	-	369.386.320	22.219.546
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	1.374.987	3,21	22.619.800	1.374.987	3,21
Ông Nguyễn Khôn Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	1.149.924	2,68	18.880.920	1.149.924	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	1.069.089	2,52	17.709.550	1.069.089	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	16.496.324	39,10	275.090.950	16.496.324	39,10
Cộng	703.687.540		703.687.540	42.309.870	100	703.687.540	42.309.870	100

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	3.167.366.472	4.826.234.560
CNY	38.404	83.486

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Cầu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Cầu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay

	Câu lạc bộ		Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	40.080.901.714	34.818.841.449	-	-	-	74.899.743.163
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	11.848.542.804	33.639.039.735	-	-	-	45.487.582.539
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(61.858.057.856)	(40.567.966.369)	-	-	-	(102.426.024.225)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	83.911.961	1.160.374.047	-	-	-	1.244.286.008
5. Tài sản bộ phận	146.921.895.120	647.069.493.120	(399.352.936.960)	-	-	394.638.451.280
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	454.778.509.600
Tổng tài sản	146.921.895.120	647.069.493.120	(399.352.936.960)	-	-	849.416.960.880
7. Nợ phải trả bộ phận	474.017.392.960	1.266.640.080	(399.352.936.960)	-	-	75.931.096.080
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	91.302.614.640
Tổng Nợ phải trả	474.017.392.960	1.266.640.080	(399.352.936.960)	-	-	167.233.710.720

Năm trước

	Câu lạc bộ		Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia		Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	70.228.469.920	55.297.440.800	-	-	-	125.525.910.720
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	14.896.426.720	37.960.472.640	-	-	-	52.856.849.360
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(53.754.641.360)	(25.932.955.720)	-	-	-	(79.687.597.080)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	1.803.960.990	12.564.725.550	-	-	-	14.368.686.540
5. Tài sản bộ phận	172.467.083.100	702.172.170.570	(313.987.004.760)	-	-	560.652.248.910
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	380.379.529.530
Tổng tài sản	172.467.083.100	702.172.170.570	(313.987.004.760)	-	-	941.031.778.440
7. Nợ phải trả bộ phận	442.494.495.300	4.715.416.290	(313.987.004.760)	-	-	133.222.906.830
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	11.370.529.560
Tổng Nợ phải trả	442.494.495.300	4.715.416.290	(313.987.004.760)	-	-	144.593.436.390

22. DOANH THU HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phòng nghỉ	20.789.388.564	36.111.204.920
Doanh thu chip	37.238.695.816	65.305.249.800
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	13.860.461.930	17.857.503.720
Doanh thu xèng	2.842.205.898	4.923.196.740
Doanh thu dịch vụ khác	168.990.955	1.328.755.540
	74.899.743.163	125.525.910.720

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	5.759.628.217	7.757.039.780
Chi phí nhân công	54.473.416.277	72.831.926.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.591.738.889	49.408.907.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	18.617.196.906	21.599.005.120
	121.441.980.289	151.596.878.580

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	5.759.628.217	7.757.039.780
Chi phí nhân công	88.257.465.583	106.006.089.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.623.840.821	51.578.056.880
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.011.020.855	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	28.549.929.184	35.529.907.980
	173.201.884.660	200.871.093.640

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.585.779	4.395.440
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.143.051.616	1.782.444.440
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.134.241.661	1.943.626.160
	2.279.879.056	3.730.466.040

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.213.675.620	5.854.936.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.190.086.164	2.217.943.700
	6.403.761.784	8.072.880.200

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	9.433.905.761	10.963.185.940
Chi phí dụng cụ sản xuất	187.205.823	344.621.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.071.908.369	1.097.129.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.044.992	92.234.100
Các chi phí khác	421.573.509	826.062.160
	11.174.638.454	13.323.233.280
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	24.350.143.545	22.210.976.620
Chi phí dụng cụ sản xuất	301.231.812	389.557.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	960.193.563	1.072.019.760
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	6.011.020.855	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.384.451.449	7.545.591.060
Các chi phí khác	4.578.224.693	4.732.836.780
	40.585.265.917	35.950.981.780

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(LỖ) kế toán trước thuế	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	<i>(661.682.588)</i>	<i>(661.682.588)</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>6.561.540.069</i>	<i>1.418.394.460</i>
<i>Cộng: Chênh lệch giá trị chấp trôi nổi cuối năm và đầu năm</i>	<i>383.358.899</i>	<i>(138.900.580)</i>
Lỗ tính thuế năm hiện hành	(96.254.042.108)	(80.922.557.268)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

29. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(102.537.258.488)	(81.540.368.560)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(1.457)	(1.159)

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị đã đầu tư là 62.411.122.000 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.666.267.520 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.447.012.960 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.662.978.720 VND).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP do Ủy Ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 13 tháng 8 năm 1994 và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh sau đó và Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Đơn giá tiền thuê được xác định trên cơ sở đơn giá tại thời điểm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Như trình bày tại Thuyết minh số 30, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Trong quá trình đo đạc, khảo sát ranh giới diện tích đất thực tế để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với đất, cơ quan chức năng đã xác định diện tích đất của Công ty bị cấp thiếu hụt 2.622,4 m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Công ty đã có các công văn trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án cấp bù đất để đầu tư kinh doanh do diện tích bị thu hẹp. Theo đó Công ty đề nghị được kéo dài thời gian miễn nộp tiền thuê đất thêm 12 tháng tương ứng diện tích 2.622,4 m² đất còn thiếu khi góp vốn trong thời hạn của dự án.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Phiếu chuyển số 3100/UBND-QLĐĐ3 đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh ("Sở TNMT") để Sở TNMT chủ trì cùng các đơn vị có liên quan kiểm tra cùng các Công văn đốc thúc sau đó. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Sở TNMT. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến tiền thuê đất trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Tổng thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Kuo Ta Wei	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	73.715.840	-
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2021)	1.484.236.485	889.037.160
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	336.694.000	244.020.000
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc	1.078.637.475	723.121.490
Ông Công Nghĩa Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2021)	46.569.000	-
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng	332.141.000	241.971.000
		<u>3.351.993.800</u>	<u>2.098.149.650</u>

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 2.567.217.520 VND (năm 2020: 6.190.564.380 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 2.584.174.880 VND (năm 2020: 2.711.843.550 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.


Mai Thị Dung
Người lập biểu


Cao Thị Huyền
Kế toán trưởng



Công Nghĩa Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2022